

Số: 262/TM-BVT
Về việc thẩm định giá thiết bị công
nghệ thông tin.

Điện Biên, ngày 24 tháng 3 năm 2022

THƯ MỜI THẨM ĐỊNH GIÁ

Kính gửi: Các đơn vị Thẩm định giá.

Căn cứ Kế hoạch số 1110/KH-BVT ngày 28/11/2022 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên về Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin của Bệnh viện đa khoa tỉnh năm 2023;

Thực hiện Văn bản số 1836/SYT-VP ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Sở Y tế tỉnh Điện Biên về việc nâng cấp cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin tại Bệnh viện đa khoa tỉnh;

Để có cơ sở thực hiện các bước của Luật Đấu thầu gói thầu nâng cấp cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin tại Bệnh viện đa khoa tỉnh. Bệnh viện đề nghị các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp có đủ năng lực về thẩm định giá như sau:

1. Khách hàng yêu cầu thẩm định giá: Bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên
Địa chỉ: Phường Noong Bua, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.
2. Người tiếp nhận báo giá
Họ và tên: Nguyễn Ngọc Tiến - Phòng Kế hoạch tổng hợp
Điện thoại: 0983 205 009 - Email: tiennguyendb@gmail.com
3. Danh mục đề nghị thẩm định giá: Có danh mục kèm theo phụ lục I
4. Thời điểm thẩm định giá: Quý II năm 2022.
5. Địa điểm đề nghị thẩm định giá: Thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên
6. Báo giá dịch vụ thẩm định giá: Mẫu báo giá theo phụ lục II.
7. Thời gian nhận báo giá: Trước 17h00 ngày 31/3/2022 (Thứ năm), báo giá gửi về sau thời gian này không được xem xét.
8. Nơi tiếp nhận báo giá: Bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên, tổ 10 phường Noong Bua, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Hồ sơ gửi về: Bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên - Địa chỉ: Phường Noong Bua, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TCKT, KHTH.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



TS Bs. Nguyễn Xuân Triền

Phụ lục I
DANH MỤC THẨM ĐỊNH GIÁ

(Kèm theo Thư mời số 262/TM-BVT ngày 24 tháng 3 năm 2022 của Bệnh viện
đa khoa tỉnh Điện Biên)

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Thành tiền
A	PHẦN TRANG THIẾT BỊ VẬT TƯ				
I	THIẾT BỊ MẠNG				
1.1	Thiết bị lưu điện UPS 10KVA	Bộ lưu điện: UPS 10KVA ONLINE Công suất 10KVA/9KW; Đầu vào Điện áp danh định 220Vac/230Vac/240Vac Dải điện áp 110-300Vac Tùy thuộc vào phụ tải kết nối; Dải tần số 50Hz hoặc 60Hz (40Hz-70Hz); Hệ số công suất ≥ 0.99; Đầu ra Điện áp danh định 220Vac $\pm 1\%$ (200Vac ; 208Vac ; 230V hoặc 240V có thể cài đặt thông qua bảng điều khiển LCD); Tần số Đồng bộ với tần số đầu vào chế độ điện lưới/ $\pm 0,1\%$ chế độ ắc quy; Dạng sóng Sóng hình Sin; Độ méo $\leq 2\%$ (linear load); Khả năng chịu quá tải 105%-150% trong 30sec., $>150\%$ trong 200ms; Crest Ratio 3:1; Ắc quy Loại ắc quy khô acid chì, không cần bảo dưỡng; Tủ ắc quy đi kèm 12V/9Ah*20chiếc; Thời hạn lưu điện (đầy tải/nửa tải) 10 phút / 22 phút; Bộ nạp bên trong 2A; Thời gian nạp 4 giờ đạt 90% dung lượng ắc quy Chuyển mạch tĩnh (Bypass): Tự động Do quá tải và do lỗi của bộ lưu điện Cài đặt: Dải điện áp: 176V-253V $\pm 20V$ (có thể hiệu chỉnh thông qua LCD) Thời gian chuyển mạch 0 ms chuyển sang chế độ tự động nối tắt Dạng hiển thị: LCD Trạng thái hoạt động UPS; Điện áp và tần số ngõ vào, ngõ ra; Tình trạng tải %; Điện áp và tình trạng % của ắc quy; Nhiệt độ bên trong UPS. Nhật ký làm việc của UPS. LED Hoạt động bình thường (đèn màu	Bộ	01	

		xanh), ắc quy yếu (đèn màu vàng), trạng thái lỗi (đèn màu đỏ) Bảng điều khiển từ xa LCD Điều khiển từ xa LCD với dây dài 6 feet (tùy chọn thêm). Cảnh báo bằng âm thanh; Tín hiệu cảnh báo ắc quy Tiếng bíp vang lên sau 4 giây (có thể khởi động lại được) và sau mỗi giây nếu ắc quy yếu. Quá tải Tiếng bíp vang lên 2 lần sau mỗi giây; Báo lỗi Tiếng bíp kéo dài liên tục; Ngõ đầu ra Bảng đầu nối (Terminal Block); Giao diện: Có khả năng hỗ trợ kết nối với máy tính thông qua cổng RS232, DB9, USB, SNMP manager and Web browser; Chuẩn kết nối tiêu chuẩn RS-232; Khe cắm thông minh (SmartSlot); Chuẩn kết nối khách hàng có thể lựa chọn thêm (Option) SNMP card for manager and Web browser (Phần mềm NetAgent II); Phần mềm quản lý UPS on-line Phần mềm điều khiển UPSilon 2000 đi kèm; Mạng Chống tăng đột ngột Bảo vệ chống sốc đường mạng và fax hoặc modem (RJ11); Môi trường Nhiệt độ 0-40o C; Độ ẩm 0-95% Không ngưng tụ, đọng nước; Độ ồn <45dBA (tại khoảng cách 1m) Trọng lượng tịnh 94kgs; Kích thước 260 x 717 x 595 (không bao gồm tủ ắc quy)			
1.2	Tủ rack 10U chiều sâu D600	Đầy đủ phụ kiện cho tủ Rack bao gồm thanh quản lý dây, quạt tản nhiệt, ổ cắm chuyên dụng và phụ kiện khác. - Kích thước 10U, độ sâu 600mm - Cửa trước 1 cánh lưới, cửa sau 1 cánh kín có khóa - Tủ sơn tĩnh điện màu đen - Vật liệu làm tủ thép cán nguội độ dày tối thiểu 1.0 mm	Chiếc	34	
1.3	Tủ rack trung tâm 42U chiều sâu D1000	Đầy đủ phụ kiện cho tủ Rack bao gồm thanh quản lý dây, quạt tản nhiệt, ổ cắm chuyên dụng và phụ kiện khác. - Kích thước 42U, độ sâu 1000mm	Chiếc	01	

		- Tủ được cấu tạo từ các Frame riêng biệt nên có thể tháo rời - Cửa trước hai cánh, cửa sau hai cánh đột lỗ tổ ong - Tủ sơn tĩnh điện màu đen - Vật liệu làm tủ thép cán nguội độ dày tối thiểu 1.2 mm			
1.4	Core Switch Layer 3 24 cổng 10G quang và 2 cổng 40G QSFP	Thiết bị chuyển mạch L3 Maipu: IS580-26XF 24-Port 10G SFP+ interfaces, 2-Port 40G QSFP interfaces, Dual Fan Slots, Dual Power Slots đi kèm theo thiết bị bao gồm: - Thiết bị chính, 2 Card nguồn, 2 Quạt, 2 dây nguồn, bộ tai rack và ốc vít để bắt thiết bị lên rack	Bộ	01	
1.5	Switch 24 và 4 cổng 10G quang	Thiết bị chuyển mạch L3 Maipu: S4230-30TXF-AC 24*100/1000M electric interfaces, 6*10G SFP+ interfaces, Dual AC Power, đi kèm theo thiết bị bao gồm: - Thiết bị chính, 2 Card nguồn, Quạt, 2 dây nguồn, bộ tai rack và ốc vít để bắt thiết bị lên rack	Bộ	05	
1.6	Switch 48 và 4 cổng 10G quang	Thiết bị chuyển mạch L3 Maipu: S4230-54TXF-AC 48*100/1000M electric interfaces, 6*10G SFP + interfaces, Dual AC Power đi kèm theo thiết bị bao gồm: - Thiết bị chính, 2 Card nguồn, Quạt, 2 dây nguồn, bộ tai rack và ốc vít để bắt thiết bị lên rack	Bộ	07	
1.7	Switch 16 cổng + cổng quang SFP+	IS230-18TF-AC Thiết bị chuyển mạch L2 Maipu 16*100/1000M electric interfaces, 2*1G SFP interfaces, One AC Power, đi kèm theo thiết bị - Thiết bị chính, card nguồn, dây nguồn, bộ tai rack và ốc vít để bắt thiết bị lên rack	Bộ	15	
1.8	Thiết bị bảo mật truy cập mạng	Sophos XGS 2100 HW Appliance with 8 GE + 2 SFP ports, 1 expansion bay for optional Flexi Port module, SSD + Base License (incl. FW, VPN & Wireless) for unlimited users + power cable, Standard protection subscription for 1 year includes: Network Protection, Web Protection, and Enhanced Support, đi kèm theo thiết bị bao gồm: - Thiết bị chính, Card	Bộ	01	

		nguồn, Quạt, 1 dây nguồn, bộ tai rack và ốc vít để bắt thiết bị lên rack			
1.9	Bộ phát Wifi kết nối Wireless controller:	Bộ phát Wifi Grandstream GWN7605, Hỗ trợ 100+ user, Chuẩn AC MU-MIMO 1167Mbps 16 SSID, >100+ client đồng thời, Cự ly 165 mét - Tính năng mesh kết nối không dây, Cloud controller và hardware controller, roaming tự động - Hỗ trợ Wifi Marketing, Voucher, landing page, Radius - 2 băng tần 2,4 và 5Ghz, Công nghệ MU-MIMO 2x2 anten ngầm, băng thông 1,27Gbps, 2 cổng LAN (1 PoE 48V)	Bộ	76	
1.10	Wireless Controller	IGW500-1000: Đi kèm theo thiết bị bao gồm: Thiết bị chính, dây nguồn bộ tai rack và ốc vít để bắt thiết bị lên rack. Số cổng mạng: 8*GE RJ45 + 2*GE SFP/khả năng điều khiển:Tối đa 256 AP/Hỗ trợ khả năng xác thực:Open, PSK, 802.1X, Portal (Local account authentication, External portal authentication, Local portal user groups and user management, Local password-free authentication, Customize Web authentication page/built-in authentication page template, Authentication-free network resources)/ Tính năng bảo mật: URL customization and filtering, DPI for hot APPs, Intrusion Prevention (IPS), Application audit, Keyword, mail, file type and other content filtering, Flow filtering, Connection limitation, IP access list, Time rule list	Bộ	01	
1.11	Module quang SFP+	Module quang TP-Link TXM431-SR " 10Gbase - SR SFP + LC Transceiver, 850nm Multi-mode, LC duplex connector, Up to 300m distance Transceiver LC SFP + 10Gbase-SR, Multi-mode 850nm, Kết nối song công LC, Khoảng cách lên đến 300m"	Chiếc	12	
1.12	Cáp DAC 10Gb SFP+ dài 1m	Zyxel DAC10G-1M compatible 10G Passive Twinax	Chiếc	11	

		Type: 10G Passive Twinax Cable Compatibility: Zyxel compatible Media Type: Passive Twinax Cable Length: 1m Data Rate: 1.0625-10.52 Gbps Temperature: Standard 0°-70°C Low Power Consumption: 0.5W (Typical)			
1.13	ODF MM 48FO	3M-ODF48OM3R : Odf 48fo loại rack chuẩn multimode om3 full phụ kiện	Chiếc	01	
1.14	ODF MM 8FO chuẩn OM3	3M-ODF8OM3R: Odf 8fo loại rack chuẩn multimode om3 full phụ kiện	Chiếc	10	
1.15	Patch Panel 24 cổng đã bao gồm full nhân mạng Cat6	760237040 Thanh đầu nối COMMScope UTP, SL, DDM, 24 cổng, 1U, rỗng, thẳng 9-1375055-2 Ổ cắm mạng COMMScope UTP, Cat.6, T568A/T568B, RJ45, màu đen	Bộ	27	
1.16	Patch Panel 48 cổng đã bao gồm full nhân mạng Cat6	Thanh patch-panel, kích thước 2U, có sẵn nhân mạng chuẩn Cat6 cho 48 cổng	Bộ	7	
1.17	Dây nhảy quang 3m LC-LC	Dây nhảy cáp quang chuẩn OM3, đầu cắm chuẩn LC-LC, độ dài tối thiểu 3m	Sợi	22	
1.18	Dây nhảy Cat6 dài 1M	Patch cord Cat6 3ft, dây nhảy Cat6 1m Commscope NPC06UVDB-BL003F NPC RJ45 Patch Cord, category 6, Unshielded, CM (PVC) Chiều dài: 3FT 1m Màu sắc: Blue	Sợi	794	
1.19	Ổ cắm mạng đôi - 02 RJ45	Ổ cắm mạng đôi, chuẩn RJ45 (đã bao gồm đế, mặt, và hạt nhân mạng RJ45 Cat6)	Bộ	365	
1.20	Ổ cắm mạng đơn - 01 RJ45	Ổ cắm mạng đơn, chuẩn RJ45 (đã bao gồm đế, mặt, và hạt nhân mạng RJ45 Cat6)	Bộ	45	
1.21	Gen 80x40 mm	Ghen hộp nhựa, kích thước tối thiểu 80x40mm	M	1164	
1.22	Gen 24x14 mm	Ghen hộp nhựa, kích thước tối thiểu 24x14mm	M	400	
1.23	Gen 39x18 mm	Ghen hộp nhựa, kích thước tối thiểu 39x18mm	M	120	
1.24	Gen 60x22 mm	Ghen hộp nhựa, kích thước tối thiểu 60x22mm	M	81	
1.25	Thang cáp 150x100	Máng cáp có nắp, Thép sơn tĩnh điện KT : W100*H100*T1.2mm, L=3000 x 12m/ Góc máng cáp	M	91	

		có nắp, Thép sơn tĩnh điện KT : W100*H100*T1.2mm x 4c /Nối H100x 16c /Bu lông M8x15,ecu,long đen x96 bộ		
1.26	Cáp mạng LAN CAT6	Cáp mạng Commscope/AMP CAT6 1427254-6	M	19205
1.27	Cáp quang 4FO	Cáp quang 4fo om3: Cáp quang 4 lõi quang, chuẩn OM3	M	2750
1.28	Dây điện 2x2.5	DÂY MỀM TRÒN 2 RUỘT đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn kỹ thuật về dẫn điện, cách điện và chịu nhiệt.	M	3014
1.29	Ống luồn cáp PVC D20	Ống luồn cáp, chất liệu PVC, đường kính tối thiểu 20mm	M	2456
1.30	Hệ thống điều hòa chạy luân phiên cho phòng máy chủ	Điều hòa Sumikura APS/APO 180/GOLD 18000BTU 1 Chiều Inverter (Gold R32) Loại máy: Treo tường 1 chiều Công suất: 18000BTU (bao gồm 2c điều hòa và 20m dây điện + 20m ống đồng + vật tư phụ) và 1 Tủ điện nổi trong nhà TH sơn tĩnh điện 40x30x15cm: Kích thước 40x30x15 Độ dày vỏ thép: 0.8mm Loại sơn: Sơn tĩnh điện Chất liệu: Thép, sơn phủ tĩnh điện Màu sắc: Xám nhạt Kiểu khóa: Khóa bật	HT	01
II	Máy chủ			
2.1	Máy chủ	Máy chủ: "2 x Intel Xeon Gold 5317 3G, 12C/24T, 11.2GT/s, 18M Cache, Turbo, HT (150W) DDR4-2933- 128GB (4 x 32GB) RDIMM, 3200MT/s, Dual Rank 2 x Samsung PM893 3.84TB SATA 6Gb/s V6 TLC V-NAND 2.5 inch Enterprise SSD PERC H755 Controller Front Load, 12Gb/s SAS/SATA, 8GB NV Cache, RAID (0, 1, 5, 6, 10, 50, 60); On-Board Broadcom 5720 Dual Port 1Gb LOM iDRAC9,Enterprise; Slots: Up to 2 x PCIe Gen4 slots Storage: 8x 2.5-inch Hot-plug SAS/SATA (HDD/SSD) Slim DVD±RW drive, USB, External (Option) Dual, Hot-Plug, Redundant Power Supply (1+0), 600W Jumper Cord - C13/C14, 2M, 250V, 10A	Chiếc	02

		Rack (1U), ReadyRails Sliding Rails With Cable Management Arm Warranty: 4 Year ProSupport and NBD Onsite"			
2.2	Phần mềm thương mại cho máy chủ	Phần mềm Microsoft Window Server 2022 Standard - 2 Core License Pack (Bán theo cấu hình server)	PM	02	
2.3	Usb An toàn	USB An Toàn - Bảo mật - Hạn Chế Lây Lan Virus 32gb: Dung lượng: 32GB - Hình dạng: vỏ kim loại, nhựa (được thiết kế theo yêu cầu thực tế) - Xóa dữ liệu sau 10 lần nhập sai mật khẩu - Tốc độ: đọc 25 MB/s và ghi 10 MB/s - Giao tiếp USB 2.0/3.0 MÔ TẢ NGẮN - Kích thước (d/r/c): 60 x 20 x 8 mm - Năng: 20g - Nhiệt độ hoạt động: 0°C đến 60°C - Hỗ trợ HĐH Windows, MacOS	Chiếc	04	
III	Hệ thống sàn nâng				
3.1	Tấm sàn thép lõi xi măng	Tấm sàn thép lõi xi măng nhẹ, quy cách 600x600x35mm, mặt hoàn thiện phủ HPL, theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất- Chân đế (Pedestal)Là vật liệu làm bằng thép mạ kẽm, độ cao hoàn thiện chân đế đến mặt hoàn thiện: 20-40 cm.-Thanh ngang Hệ thống thanh ngang được cấu tạo từ thép, đồng bộ với chân đế.	m2	15	
3.2	Ramp - bậc dốc		Chiếc	01	
3.3	Phụ kiện thi công		Gói	01	
IV	Hệ thống cửa, kiểm soát vào ra				
4.1	cửa thép	Cửa thép chống cháy EI 60 phút: rộng 1400 cao 2700 diện tích 3,78m - Khung cửa: Sử dụng thép tấm chế tạo dày 1.4mm - Cánh cửa: Sử dụng thép tấm chế tạo dày 1.0mm - Vật liệu bên trong: Hỗn hợp MgO - Bản lề Inox: 04 cái/ cánh - Màu sơn: Sơn tĩnh điện màu	Bộ	01	

		ghi		
4.2	phụ kiện	Khóa tay gạt ngang Tay co thủy lực Hammered+Chốt âm cánh phụ+Doorsill Inox 201 dày 1.0mm+Chi phí kiểm định PCCC (Theo Công trình)	Bộ	01
4.3	Thiết bị quản lý cửa ra vào bằng vân tay, thẻ từ	Máy chấm công vân tay + thẻ cảm ứng RONALD JACK F18 : Dung lượng vân tay: 3200 dấu vân tay + 5000 thẻ cảm ứng - Tích hợp access control kiểm soát cửa vào-ra - Dung lượng chấm công: 100.000 lần chấm công - Kiểu kết nối: RS232/485, TCP/IP, USB-host - Chế độ anti passback - Cổng wiegand kết nối đầu đọc phụ - Chế thiết lập 50 time zone - Có thể đồng bộ dữ liệu vân tay với các máy chấm công - Nguồn điện: 12 VDC, 400mA	Chiếc	01
4.4	Phụ kiện	Bộ khóa từ chốt cửa, thẻ từ, nút bấm exit từ bên trong	Gói	01
V	Hệ thống điện nguồn			
5.1	Tủ điện	Vỏ tủ trong nhà sơn tĩnh điện C1000 x R600 x S300 x 1,0mm - 2 lớp cánh: Aptomat MCCB 3P-50A-10KA EZC100F3050 Cái 1 Aptomat MCB 1P-50A-6KA A9K24150 Cái 2 Aptomat MCB 1P-16A-6KA A9K27116 Cái 2 Ngăn đầu ra Aptomat MCB 1P-50A-6KA A9K24150 Cái 2 Aptomat MCB 1P-16A-6KA A9K27116 Cái 6 Phụ kiện Biến dòng 50A/5A, CL:0,5 CT0.6 Cái 3 Đồng hồ đa chức năng MFM383A Cái 3 Đèn báo pha ND16-22C/2 Cái 3 Cầu chì + Ống chì 3A RT18-32X Cái 3 Thanh cái đồng mật độ dòng 2~2,2A/1mm ² , 50%N TCĐ Tron bộ 1 Vật liệu phụ (Đầu cốt, dây mạch điều khiển, gen co nhiệt, bulong, sứ cách điện,...) VLP Tron bộ 1	Bộ	01

		Công lắp ráp tại xưởng NCLR Trộn bộ 1		
5.2	Dây cáp điện CXV 3x25+1x16	Dây cáp điện, Cáp treo CXV 3x25+1x16	M	50
5.3	Dây cáp điện Cáp 0,6/1kVCu/XLPE/PVC 3x16sqmm	Dây cáp điện Cáp 0,6/1kV Cu/XLPE/PVC 3x16sqmm	M	10
5.4	Dây điện 2x4.0 Dây ovan 300/500V Cu/PVC/PVC2x4sqmm	Dây điện 2x4.0 Dây ovan 300/500V Cu/PVC/PVC 2x4sqmm	M	40
5.5	Dây điện 1x6.0 Dây đồng mềm 450/750V Cu/PVC 1x6sqmm (vàng-xanh)	Dây điện 1x6.0 Dây đồng mềm 450/750V Cu/PVC 1x6sqmm (vàng-xanh)	M	30
5.6	Máng cáp sơn tĩnh điện W200xH100x1, 5mm, có nắp máng MC200x100	Máng cáp sơn tĩnh điện W200xH100x1,5mm, có nắp máng MC200x100	M	5
5.7	Nối máng H100 NMH100	Nối máng H100 NMH100	Bộ	01
VI	Hệ thống Chống sét			
6.1	Thiết bị cắt lọc sét 3 pha 63A	Thiết bị cắt lọc sét 3 pha, dòng tải 63A, chịu điện áp liên tục đến 480V, Dòng cắt sét sơ cấp 150kA, dòng cắt sét thứ cấp 50ka, Mã:SF363-480-150+50- AIMCB	Bộ	01
VII	Hệ thống tiếp địa			
6.1		Cọc tiếp địa thép mạ đồng D16- 2,4m: Chất liệu: Thép mạ đồng dày 0.25mm (đồng 99.95%) Chiều dài: 2.4m Kích thước: 16mm Trọng lượng: 3.78kg	Chiếc	06
6.2		Khoang giếng tiếp địa sâu 5m	Chiếc	06
6.3		Mối hàn hóa nhiệt 90g	Chiếc	06
6.4		Cáp đồng trần M50: Thông số kỹ thuật Cu/PVC 0.6/1 kV	M	15
6.5		Dây tiếp địa M25 : Loại cứng lõi có 7 sợi đồng xoắn lấy nhau. Tiết diện mặt cắt danh định: 16mm ² Số sợi x đường kính sợi: 7×XX (số sợi x mm ²) Đường kính lõi ép chặt gần đúng: 6,00mm Độ dày vỏ bọc PVC: 1,2mm Đường kính tổng gần đúng: 8,4mm	M	30
6.6		Hộp kiểm tra tiếp địa (bao gồm phụ kiện: Bu lông, cầu đầu, sứ đỡ cách điện, đầu cos,...)	Gói	01

Phụ lục II
MẪU BÁO GIÁ

Tên công ty:
Địa chỉ:
Số điện thoại/ Fax:
Email:

BẢNG CHÀO GIÁ THẨM ĐỊNH GIÁ
Kính gửi: Bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên

....., ngày tháng năm 2022

Chúng tôi là (Tên đơn vị báo giá), có địa chỉ tại Công ty chúng tôi xin gửi tới Quý Bệnh viện bản chào giá thẩm định giá thiết bị công nghệ thông tin của Bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên, chi tiết theo bảng tổng hợp như sau:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
1	(Ghi tên nội dung công việc)		(Ghi theo số lượng của danh mục yêu cầu báo giá)	Đã bao gồm thuế VAT	Đã bao gồm thuế VAT	
2						
3						
...						
	Tổng cộng:					

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CÔNG TY
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Báo giá trên có hiệu lực trong vòng 90 ngày.